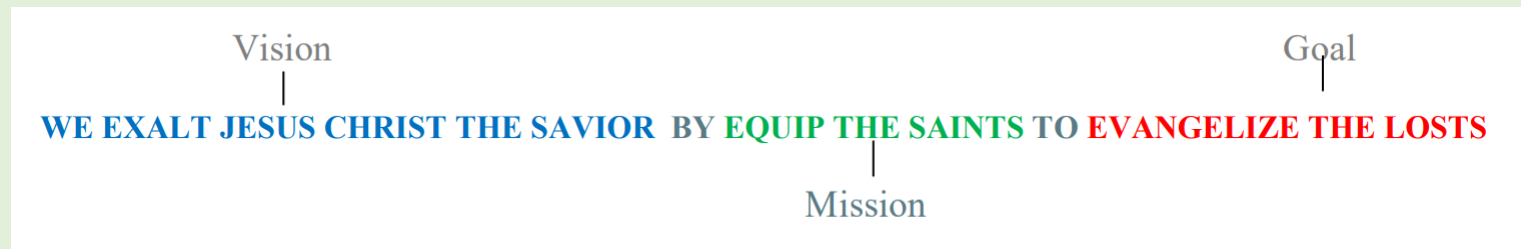


VUI MỪNG TRONG CHÚA GIÊ-XU  
REJOICE IN JESUS

PHI-LÍP PHILLIPIANS 4:4-19

Tôn Cao Đấng Cứu Rỗi Chúa Giê-xu Christ *bằng*  
*cách* Trang bị thánh đồ *để* Truyền giáo cho  
người lạc mất



# VUI MỪNG TRONG CHÚA GIÊ-XU REJOICE IN JESUS

- 1. VUI MỪNG MÃI MÃI – REJOICE ALWAYS**
- 2. THỎA LÒNG LUÔN LUÔN – CONTENTMENT ALWAYS**
- 3. QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC – CARE FOR OTHERS**

# 1. VUI MỪNG MÃI MÃI - REJOICE ALWAYS

4:4-9

*Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn. Tôi lại còn nói nữa: hãy vui mừng đi. 5 Hãy cho mọi người đều biết nét nhu mì của anh em. Chúa đã gần rồi. 6 Chớ lo phiền chi hết, nhưng trong mọi sự hãy dùng lời cầu nguyện, nài xin, và sự tạ ơn mà trình các sự cầu xin của mình cho Đức Chúa Trời. 7 Sự bình an của Đức Chúa Trời vượt quá mọi sự hiểu biết, sẽ giữ gìn lòng và ý tưởng anh em trong Đức Chúa Jêsus Christ.*

*Rejoice in the Lord always. I will say it again: Rejoice! <sup>5</sup> Let your gentleness be evident to all. The Lord is near. <sup>6</sup> Do not be anxious about anything, but in every situation, by prayer and petition, with thanksgiving, present your requests to God. <sup>7</sup> And the peace of God, which transcends all understanding, will guard your hearts and your minds in Christ Jesus.*

# 1. VUI MỪNG MÃI MÃI - REJOICE ALWAYS

4:4-9

8 Rốt lại, hỡi anh em, phàm điều chi chân thật, điều chi đáng tôn, điều chi công bình, điều chi thánh sạch, điều chi đáng yêu chuộng, điều chi có tiếng tốt, điều chi có nhân đức đáng khen, thì anh em phải nghĩ đến. 9 Hễ sự gì anh em đã học, đã nhận, đã nghe ở nơi tôi và đã thấy trong tôi, hãy làm đi, thì Đức Chúa Trời của sự bình an sẽ ở cùng anh em.

*Finally, brothers and sisters, whatever is true, whatever is noble, whatever is right, whatever is pure, whatever is lovely, whatever is admirable—if anything is excellent or praiseworthy—think about such things. <sup>9</sup> Whatever you have learned or received or heard from me, or seen in me—put it into practice. And the God of peace will be with you.*

# 1. VUI MỪNG MÃI MÃI - REJOICE ALWAYS

## 4:4-9

- a) Sự hiện diện của Đức Chúa Trời (4:4-5)
  - The Presence of God
- b) Sự cầu nguyện và đời sống bình an (4:6-7)
  - The Prayer and The peaceful Life
- c) Sự suy nghĩ sáng suốt (4-8-9)
  - Clear thinking

## 2. THỎA LÒNG LUÔN LUÔN – Contentment always

### 4:10-13

Tôi được rất vui mừng trong Chúa, vì nay anh em lại lo tưởng về tôi lần nữa; anh em vẫn tưởng đến điều đó lắm, nhưng không có dịp tiện. 11 Không phải là tôi muốn nói đến sự cần dùng của tôi; vì tôi đã tập hễ gặp cảnh ngộ nào, cũng **thỏa lòng** ở vậy. 12 Tôi biết chịu nghèo hèn, cũng biết được dư dật. Trong mọi sự và mọi nơi, tôi đã tập cả, dầu no hay đói, dầu dư hay thiếu cũng được. 13 Tôi làm được mọi sự nhờ Đấng ban thêm sức cho tôi.

*I rejoiced greatly in the Lord that at last you renewed your concern for me. Indeed, you were concerned, but you had no opportunity to show it. <sup>11</sup> I am not saying this because I am in need, for I have learned to be content whatever the circumstances. <sup>12</sup> I know what it is to be in need, and I know what it is to have plenty. I have learned the secret of **being content** in any and every situation, whether well fed or hungry, whether living in plenty or in want. <sup>13</sup> I can do all this through him who gives me strength.*

## 2. THỎA LÒNG LUÔN LUÔN – Contentment always

4:10-13

a) Thỏa lòng trong mọi hoàn cảnh (4:10-12)

Being content in any and every situation

b) Nương cậy sức toàn năng của Chúa (4:13)

Relying on the power of the Lord



# 3. QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC CARE FOR OTHERS

4:14-19

*Nhưng anh em giúp tôi cơn hoạn nạn, thì đã làm điều thiện. [15](#) Hỡi người Phi-líp, anh em cũng biết rằng lúc tôi khởi giảng Tin Lành trong khi lìa xứ Ma-xê-đoan, thì ngoài hội thánh của anh em, chẳng có hội nào khác hiệp với tôi để lập thành sự trao đổi trong chúng ta cả; [16](#) vì tại Tê-sa-lô-ni-ca, anh em đã một hai lần gửi đồ cung cấp về sự cần dùng cho tôi vậy. [17](#) Ấy không phải tôi cầu lễ vật, nhưng cầu sự kết quả nhiều bởi lễ vật đến cho anh em.*

*Yet it was good of you to share in my troubles. <sup>15</sup> Moreover, as you Philippians know, in the early days of your acquaintance with the gospel, when I set out from Macedonia, not one church shared with me in the matter of giving and receiving, except you only; <sup>16</sup> for even when I was in Thessalonica, you sent me aid more than once when I was in need. <sup>17</sup> Not that I desire your gifts; what I desire is that more be credited to your account.*

### 3. QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC CARE FOR OTHERS

4:14-19

*18 Vậy, tôi đã nhận được hết, và đang dư dật; tôi được đầy dẫy vì đã nhận đồ nơi Ép-ba-phô-đích mà anh em gửi cho tôi, như một thứ hương có mùi thơm, tức là một của lễ Đức Chúa Trời đáng nhận, và đẹp lòng Ngài. 19 Đức Chúa Trời tôi sẽ làm cho đầy đủ mọi sự cần dùng của anh em y theo sự giàu có của Ngài ở nơi vinh hiển trong Đức Chúa Jêsus Christ.*

*I have received full payment and have more than enough. I am amply supplied, now that I have received from Epaphroditus the gifts you sent. They are a fragrant offering, an acceptable sacrifice, pleasing to God.  
<sup>19</sup> And my God will meet all your needs according to the riches of his glory in Christ Jesus.*

### 3. QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC CARE FOR OTHERS

4:14-19

- a) Giúp đỡ mọi người (4:14-18) Help each others
- b) Được Đức Chúa Trời chu cấp (4:19) God will meet all our needs

# VUI MỪNG TRONG CHÚA GIÊ-XU REJOICE IN JESUS

- 1. VUI MỪNG MÃI MÃI – REJOICE ALWAYS**
- 2. THỎA LÒNG LUÔN LUÔN – CONTENTMENT ALWAYS**
- 3. QUAN TÂM ĐẾN NGƯỜI KHÁC – CARE FOR OTHERS**

## Phi-líp **Phillipians** 4:4

***Hãy vui mừng trong Chúa luôn luôn. Tôi lại còn nói nữa: hãy vui mừng đi.***

***Rejoice in the Lord always. I will say it again: Rejoice!***

# Cầu nguyện - Prayer

- Kính lạy Chúa, Con nguyện vui mừng và thỏa lòng trong cuộc sống để hoàn thành sứ mạng Chúa kêu gọi. Trong Danh Chúa Giê-xu Christ, Amen
- Dear God, I pray to rejoice and to content in life in order to accomplish you great commandment. In Jesus' Name, Amen!